TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST Ngày 29/ 9/2017 V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Kim
2. Ông Đỗ Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên *tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Lành -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:159/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39A/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1980 – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1977 – Vắng mặt.
Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Hiện không rõ địa chỉ, Tòa án đã tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến H kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang ngày 22/12/1998. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh H. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận và có 01 con chung, được khoảng 02 năm thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2000 cho đến nay. Năm 2002 anh H bỏ đi khỏi địa phương, chị đã dùng mọi biện pháp để tìm địa chỉ của anh H nhưng không ai biết anh H ở đâu và làm gì. Năm 2016 chị đã làm đơn yêu cầu và Tòa án đã ra quyết định tuyên bố mất tích đối với anh H. Chị và anh H sống ly thân và cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 28/8/2000. Hiện nay cháu đang ở cùng chị P từ khi sinh cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Chị P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến H hiện không rõ địa chỉ, đã bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tuyên bố mất tích bằng Quyết định số 01/2017/QĐDS-ST ngày 08/5/2017.

Xác minh tại địa phương được biết: anh Nguyễn Tiến H và chị Phạm Thị P kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1998. Về sau vợ chồng mâu thuẫn và chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2000 cho đến nay. Anh H cũng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2002, địa phương và gia đình không biết anh H đi đâu và làm gì. Nay chị P có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Đại diện Viện kiểm đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Tiến H. Giao cho chị Phạm Thị P được nuôi con chung của vợ chồng là Phạm Thị T, sinh ngày 28/8/2000. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị P. Anh H được quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này, chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tiến H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nên việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Tiến H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn chị P thấy: chị P và anh H kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung nhưng do có mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai. Hiện anh H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, không ai biết anh H ở đâu và làm gì. Do vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được; chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Tiến H. HĐXX xét thấy thời gian chị P và anh H ly thân đã lâu, hai bên không có biện pháp nào nhằm khắc phục tình trạng hôn nhân và hai bên cũng không quan tâm tới nhau, anh H vắng mặt tại địa phương nhiều năm nay. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Tiến H là phù hợp với quy định tại Điều 56 – Luật hộn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Tiến H có 01 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 28/8/2000 nay đang ở với chị P, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị P nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh Học cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy hiện nay anh Nguyễn Tiến H không có mặt tại địa phương và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Vì vậy, chị P đề nghị được nuôi con chung của vợ chồng là hoàn toàn có căn cứ. Để đảm bảo điều kiện về mọi mặt và sự phát triển bình thường cũng như sự ổn định cuộc sống cần giao cho chị P được nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Thị T. Do chị Phạm Thị P không yêu cầu nên anh Nguyễn Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chị P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

1-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Tiến H.

2-Về con chung: Giao chị Phạm Thị P được nuôi con chung của vợ chồng là Phạm Thị T, sinh ngày 28/8/2000. Anh Nguyễn Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị P.

Anh Nguyễn Tiến H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3-Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số AA/2012/ 04580 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận chị P đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Việt Yên;
-Chi cục THADS huyện Việt Yên;
-UBND xã T;
-Đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Vũ Văn Hợp